TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2017/HS-ST
Ngày: 19-7-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ;

2. Ông Trương Hữu Bình.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2017/TLST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2017/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hà Thị Thu L, sinh năm 1979, tại tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: Không đăng ký hộ khẩu thường trú; tạm trú tại ấp Y, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; con ông Hà Đình Đ, sinh năm 1957 và bà Bùi Ngô Thị Mỹ Vỹ P, sinh năm 1959; có chồng: Phan Văn M, sinh năm 1973 và có 03 con, lớn đã trưởng thành (trên 18 tuổi) và nhỏ 07 tuổi. Bị cáo đang mang thai đứa con thứ tư ở tháng thứ 9. Tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại. Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Phan Thị X, sinh năm 1959; HKTT: Ấp Y, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 25/11/2016, Hà Thị Thu L đến nhà bà Phan Thị X, sinh năm 1959, HKKT: Ấp Y, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương để vay gạo. Trong lúc bà X vào bếp lấy gạo cho L thì L ở ngoài phòng khách chờ. Trong

thời gian này, L quan sát và phát hiện 01 tủ kính nhà bà X không khoá nên nảy sinh ý định trộm tài sản. L mở cửa tủ, lục soát thì phát hiện có một hộp nhựa màu hồng (loại hộp để đựng vàng), trên hộp có ghi chữ "Tiệm vàng M". L cầm lắc chiếc hộp thì nghe bên trong có tiếng kêu, nghĩ là có vàng bên trong nên L cầm chiếc hộp giấu vào túi quần trước bên phải và đóng cửa tủ lại. L mang chiếc hộp nhựa về chôn xuống đất cách cửa sau nhà L khoảng 1m (một mét) để cất giấu. Bà X lấy gạo lên phòng khách nhưng không thấy L, sau khi kiểm tra tài sản thì phát hiện mất một hộp hình cầu rỗng bằng nhựa màu hồng, bên trong có chứa tất cả số vàng gồm: 01 chiếc nhẫn làm bằng vàng 24k có trọng lượng 01 chỉ; 01 chiếc nhẫn làm bằng vàng 24k có trọng lượng 05 phân; 01 sợi dây chuyền kiểu mắc xích nối nhau làm bằng vàng 18k, có trọng lượng 01 chỉ 09 phân 82 li (1,982 chỉ). Sau khi bị mất số tài sản trên, nghi ngờ Hà Thị Thu L lấy trộm nên bà X đã đến trình báo tại Công an xã Đ, huyện Dầu Tiếng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng thu giữ vật chứng bao gồm toàn bộ số tài sản trên tại nhà bị cáo L (bút lục 60).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 05/KLĐG ngày 23/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Dầu Tiếng xác định (bút lục 66):

- 01 (một) chiếc nhẫn làm bằng vàng 24k, có trọng lượng 01 chỉ định giá là: 3.331.000 đồng (ba triệu ba trăm ba mươi mốt ngàn đồng);

- 01 (một) chiếc nhẫn làm bằng vàng 24k, có trọng lượng 0,5 chỉ định giá là: 1.665.500 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn năm trăm đồng);

- 01 (một) sợi dây chuyền kiểu mắc xích nối nhau làm bằng vàng 18k, có trọng lượng 01 chỉ 09 phân 82 li (1,982 chỉ) định giá là: 1 chỉ 0,9 phân 82 li (1,982 chỉ) x 2.270.000đ = 4.499.140 đồng (bốn triệu bốn trăm chín mươi chín ngàn một trăm bốn mươi đồng) + tiền công 460.000 đồng = 4.959.140 đồng (bốn triệu chín trăm năm mươi chín ngàn một trăm bốn mươi đồng).

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo L đã chiếm đoạt của bị hại X là: 9.955.640 đồng (chín triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn sáu trăm bốn mươi đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo L và bị hại X không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả lại số tài sản trên cho chủ sở hữu là bà X (thông qua người đại diện hợp pháp là ông Bùi Văn X theo văn bản ủy quyền ngày 22/02/2017) căn cứ vào Quyết định xử lý vật chứng số 03/QĐ-CSĐT ngày 03/3/2017 (bút lục 67) và Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 06/3/2017 (bút lục 69, 70). Bị hại không có yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

Bản cáo trạng số 34/QĐ-KSĐT ngày 05/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Hà Thị Thu L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, l, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009): Xử phạt bị cáo L với mức hình phạt từ 10-12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20-24 tháng.

- Phần bồi thường dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường gì khác nên không xem xét.

- Xử lý vật chứng: Bị hại đã nhận lại tài sản (bút lục 70) nên không xem xét.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo L không có ý kiến gì khác, đồng ý đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo Cáo trạng số 34/QĐ-KSĐT ngày 05/6/2017.

Bị cáo L trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo đã biết hành vi lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và bị cáo rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện chăm sóc con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo Hà Thị Thu L đã khai nhận về hành vi lén lút lấy trộm tài sản của bà Phan Thị X (gồm 01 chiếc nhẫn làm bằng vàng 24k có trọng lượng 01 chỉ; 01 chiếc nhẫn làm bằng vàng 24k có trọng lượng 05 phân; 01 sợi dây chuyền kiểu mắc xích nối nhau làm bằng vàng 18k, có trọng lượng 01 chỉ 09 phân 82 li (1,982 chỉ)) với tổng giá trị tài sản định giá là 9.955.640 đồng (chín triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn sáu trăm bốn mươi đồng) (bút lục số 66). Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì "Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm", như vậy, hành vi trộm cắp tài sản trị giá 9.955.640 đồng (chín triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn sáu trăm bốn mươi đồng) của bị

cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Do đó, đã có đủ cở sở khẳng định Cáo trạng số 34/QĐ-KSĐT ngày 05/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Hà Thị Thu L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi. Về nhận thức, bị cáo biết việc lén lút lấy cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bất chấp hậu quả miễn sao có tiền thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý . Hậu quả là bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của bị hại X với tổng giá trị là 9.955.640 đồng (chín triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn sáu trăm bốn mươi đồng). Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên cần xử lý tương xứng với tính chất , mức độ hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm mục đích răn đe, giáo dục để trở thành người công dân có ích và giúp phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án , tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo nhất thời phạm tội. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội khi đang có thai; hoàn cảnh gia đình khó khăn và người bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, l, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và hướng dẫn tại điểm c mục 5 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "Hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của Bộ luật Hình sự năm 1999".

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[6] Khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo L bị truy tố xử phạt ở khung hình phạt không quá 03 (ba) năm về tội ít nghiêm trọng; bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa bị kết án, bị xử lý vi phạm hành chính; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; không có tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 48 và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); bị cáo có khả năng tự cải tạo, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù sẽ không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để xử phạt bị cáo L theo quy định tại Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm

phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng", do đó, bị cáo L có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo ở nhà nội trợ, không có thu nhập; chi tiêu gia đình phụ thuộc vào thu nhập của chồng bị cáo và hiện bị cáo có 02 người con bị khuyết tật bẩm sinh (căn cứ vào các giấy xác nhận khuyết tật của Uỷ ban nhân dân xã Đ đối với cháu Phan Minh T, sinh năm 2010 ở mức độ đặc biệt nặng và cháu Phan Minh Q, sinh năm 1997 ở mức độ nhẹ) nên điều kiện kinh tế gia đình bị cáo còn nhiều khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Xét ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo L về phần tội danh, điều khoản truy tố và hình phạt là có căn cứ và phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hà Thị Thu L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, l, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009):

Xử phạt bị cáo Hà Thị Thu L 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01(một) năm 08 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án (19/7/2017).

Giao bị cáo Hà Thị Thu L cho Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự năm 2010.

2. Trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không xem xét.

3. Xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong nên không xem xét.

4. Án phí:

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Hà Thị Thu L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/7/2017). Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Đ;
- Bộ phận HCTP;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Tạo